

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN MEKONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2009	13 - 27
8. Phụ lục	28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thủy sản Mekong được thành lập theo Quyết định số 592/QĐ-CT.UB ngày 26 tháng 02 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Cần Thơ về việc chuyển Doanh nghiệp nhà nước - Xí nghiệp chế biến nông sản thực phẩm thuộc Công ty nông sản thực phẩm xuất khẩu Cần Thơ thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000016 ngày 28 tháng 02 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 28 tháng 01 năm 2004 về việc thay đổi địa chỉ Công ty.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 09 năm 2005 về việc giảm vốn Nhà nước.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 12 năm 2006, lần thứ 4 ngày 10 tháng 10 năm 2007, lần thứ 5 ngày 03 tháng 01 năm 2008 và lần thứ 6 ngày 01 tháng 12 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỉ lệ (%)
A/ Cổ đông sáng lập	1.188.952	11.889.520.000	10,48
1. Lương Hoàng Mãnh	331.970	3.319.700.000	2,93
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	264.600	2.646.000.000	2,33
3. Nguyễn Thị Chính	259.000	2.590.000.000	2,28
4. Trần Thị Bé Năm	203.280	2.032.800.000	1,79
5. Ngô Thị Thỏ	130.102	1.301.020.000	1,15
B/ Cổ đông khác	10.150.912	101.509.120.000	89,52
Cộng	11.339.864	113.398.640.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 24 – Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
Điện thoại : (0710) 3.841.294
Fax : (0710) 3.841.192
E-mail : mkf@hcm.vnn.vn
Website : www.mekongfish.vn
Mã số thuế : 1800448811

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; nhập khẩu nguyên liệu nông sản, thủy sản, hoá chất và các phụ liệu khác phục vụ cho ngành chế biến nông, thủy sản. Đầu tư tài chính; kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với số tiền là 42.418.109.925 VND. Ngoài ra, Công ty cũng đã chuyển nhượng một số chứng khoán làm phát sinh khoản lỗ do đầu tư chứng khoán là 29.814.264.639 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 27).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Lương Hoàng Mãnh	Chủ tịch	02 tháng 3 năm 2002	-
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	Phó Chủ tịch	02 tháng 3 năm 2002	-
3. Nguyễn Thị Chính	Ủy viên	02 tháng 3 năm 2002	-
4. Trần Thị Bé Năm	Ủy viên	02 tháng 3 năm 2002	-
5. Ngô Thị Thỏ	Ủy viên	02 tháng 3 năm 2002	-

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Nguyễn Kim Phượng	Trưởng ban	02 tháng 3 năm 2002	-
2. Dương Thị Lệ Thủy	Thành viên	02 tháng 3 năm 2002	-
3. Lê Yến Nhi	Thành viên	28 tháng 1 năm 2005	-

Ban Điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Lương Hoàng Mãnh	Giám đốc	02 tháng 3 năm 2002	-
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	Phó Giám đốc	02 tháng 3 năm 2002	-
3. Nguyễn Thị Chính	Phó Giám đốc	02 tháng 3 năm 2002	-
4. Tăng Tuấn Anh	Phó Giám đốc	07 tháng 7 năm 2008	-
5. Trần Thị Bé Năm	Kế toán trưởng	02 tháng 3 năm 2002	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



LƯƠNG HOÀNG MÃNH
Giám đốc

Ngày 23 tháng 02 năm 2010





www.auditconsult.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 3 8272 300
Branch in Hanoi : 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City - Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 3 7367 869
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 03764 995 - Fax: (84-71) 03764 996

Số: 0074/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty cổ phần thủy sản Mekong gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2010, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thủy sản Mekong tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Nguyễn Hữu Danh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1242/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		279.226.997.163	216.187.555.332
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	128.442.791.176	62.523.760.431
1. Tiền	111		38.884.091.176	10.623.760.431
2. Các khoản tương đương tiền	112		89.558.700.000	51.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.882.577.018	94.979.575.486
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	67.475.945.617	50.022.264.045
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	4.965.219.901	14.620.418
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	6.441.411.500	45.028.250.065
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	-	(85.559.042)
IV. Hàng tồn kho	140		52.216.472.279	49.778.614.044
1. Hàng tồn kho	141	V.6	52.216.472.279	49.778.614.044
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.685.156.690	8.905.605.371
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	-	131.249.994
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.189.762.063	1.361.673.713
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	78.979.034	529.164.171
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	15.416.415.593	6.883.517.493

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.707.948.245	84.467.319.781
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		73.133.800.768	53.837.626.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	41.791.625.661	17.397.947.980
<i>Nguyên giá</i>	222		65.624.970.572	37.541.015.958
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(23.833.344.911)	(20.143.067.978)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	19.024.964.300	19.391.594.300
<i>Nguyên giá</i>	228		19.758.224.300	19.758.224.300
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(733.260.000)	(366.630.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	12.317.210.807	17.048.084.576
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.101.710.674	30.485.085.590
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	14.473.026.574	77.274.511.415
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	(4.371.315.900)	(46.789.425.825)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.472.436.803	144.607.335
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	1.472.436.803	144.607.335
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		363.934.945.408	300.654.875.113

1020
CỘNG
HỘI
HỘI
TƯ
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		49.726.919.638	19.713.478.016
I. Nợ ngắn hạn	310		40.608.909.576	18.367.375.126
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.16	22.459.081.069	16.206.538.821
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	2.033.374.131	475.763.448
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	10.236.507.642	26.750.333
5. Phải trả người lao động	315	V.19	2.655.385.758	-
6. Chi phí phải trả	316	V.20	2.395.024.145	429.302.837
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	829.536.831	1.229.019.687
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.118.010.062	1.346.102.890
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.22	1.073.000.000	953.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	7.703.031.218	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.24	-	175.616.432
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	341.978.844	217.486.458
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		314.208.025.770	280.941.397.097
I. Vốn chủ sở hữu	410		304.332.716.669	277.758.862.858
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	113.398.640.000	81.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	152.960.690.000	177.260.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.26	1.287.760.139	1.287.760.139
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	5.837.847.302	5.837.847.302
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	6.016.669.611	3.363.619.240
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	24.831.109.617	9.009.636.177
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		9.875.309.101	3.182.534.239
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.27	9.875.309.101	3.182.534.239
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		363.934.945.408	300.654.875.113

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

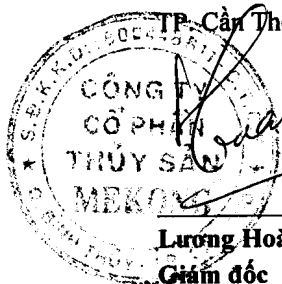
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.331.089,10	434.118,14
Euro		107,41	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

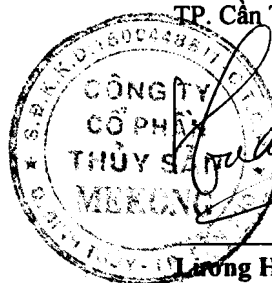
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	475.598.089.252	401.073.619.302
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	12.222.115.600	2.556.512.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	463.375.973.652	398.517.106.702
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	368.758.129.584	330.426.778.368
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94.617.844.068	68.090.328.334
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	65.881.478.946	24.935.638.589
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	39.365.550.879	48.396.237.969
Trong đó: chi phí lãi vay	23		184.132.026	164.588.742
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	48.720.358.172	35.100.639.614
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.773.860.155	8.098.965.825
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62.639.553.808	1.430.123.515
11. Thu nhập khác	31	VI.7	796.954.980	1.814.861.536
12. Chi phí khác	32	VI.8	655.313.948	14.884.144
13. Lợi nhuận khác	40		141.641.032	1.799.977.392
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.781.194.840	3.230.100.907
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	11.771.365.815	792.828.518
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(1.503.445.900)	31.009.097
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>52.513.274.925</u>	<u>2.406.263.292</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>4.976</u>	<u>229</u>



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		62.781.194.840	3.230.100.907
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10	4.594.706.729	3.021.213.578
- Các khoản dự phòng	03		(42.503.668.967)	46.874.984.867
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	918.616.932	(2.341.552.422)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(4.365.558.093)	(7.278.231.382)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	184.132.026	164.588.742
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.609.423.467	43.671.104.290
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.547.561.427	(10.471.266.149)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.437.858.235)	(10.088.473.552)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.662.900.976	82.024.499
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		131.249.994	(78.269.557)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.20, VI.4	(165.113.161)	(164.588.742)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(1.087.258.820)	(1.372.383.501)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.095.000.000	215.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.400.976.252)	(5.544.945.306)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.954.929.396	16.248.201.982
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12	(24.419.306.034)	(13.951.640.406)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	209.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(60.420.054.923)	(50.317.082.845)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		123.221.539.764	5.087.154.910
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	4.684.892.577	6.372.214.482
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		43.276.162.293	(52.809.353.859)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

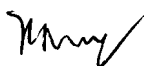
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		35.113.031.218	16.030.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(27.410.000.000)	(16.030.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(17.820.670.000)	(8.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.117.638.782)	(8.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		66.113.452.907	(44.561.151.877)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	62.523.760.431	106.309.039.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(194.422.162)	775.872.603
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	128.442.791.176	62.523.760.431

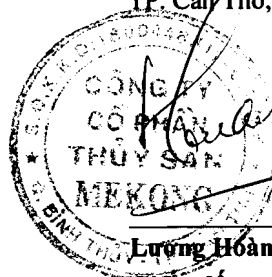


Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng

TP. Cần Thơ, ngày 20 tháng 01 năm 2010



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

2047
ÔNG
NHIÊN
M T O
U V
P H C

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nhập khẩu nguyên liệu nông sản, thủy sản, hoá chất và các phụ liệu khác phục vụ cho ngành chế biến nông, thủy sản. Đầu tư tài chính; kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê.
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong năm, Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với số tiền là 42.418.109.925 VND. Ngoài ra, Công ty cũng đã chuyển nhượng một số chứng khoán làm phát sinh khoản lỗ do đầu tư chứng khoán là 29.814.264.639 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ 8 của Công ty.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam .
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10
Máy móc và thiết bị	05 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là nửa tháng lương cộng với phụ cấp lương (nếu có) cho mỗi năm làm việc và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với các hoạt động được hưởng ưu đãi: áp dụng thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm kể từ ngày 01/01/2004.
- Đối với các hoạt động không được hưởng ưu đãi: áp dụng thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Ngoài ra Công ty còn được hưởng các ưu đãi bổ sung như sau:

- Giảm 50% số thuế phải nộp cho phần thu nhập có được trong các trường hợp:
 - + Xuất khẩu mặt hàng mới có tính năng kinh tế - kỹ thuật, tính năng sử dụng khác với mặt hàng trước đây đã xuất khẩu.
 - + Xuất khẩu ra thị trường một quốc gia mới hoặc lãnh thổ mới khác với thị trường trước đây.
- Giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu trong năm tài chính có doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước.
- Giảm 20% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập có được do xuất khẩu trong năm tài chính đối với các trường hợp:
 - + Có doanh thu xuất khẩu đạt tỉ trọng trên 50% tổng doanh thu.
 - + Duy trì thị trường xuất khẩu ổn định về số lượng hoặc giá trị hàng hoá xuất khẩu trong ba năm liên tục trước đó.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008 : 16.977 VND/USD
31/12/2009 : 17.941 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở phần thuyết minh VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.391.038	35.967.519
Tiền gửi ngân hàng	38.878.700.138	10.587.792.912
Các khoản tương đương tiền (*)	89.558.700.000	51.900.000.000
Cộng	128.442.791.176	62.523.760.431

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	1.261.834.651	1.412.387.971
Khách hàng nước ngoài	66.214.110.966	48.609.876.074
Cộng	67.475.945.617	50.022.264.045

3. Trả trước cho người bán

Khoản trả trước các nhà cung cấp trong nước.

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Đại lý cá	6.398.000.000	24.819.790.000
Tạm ứng cho cổ đông	-	17.820.000.000
Phải thu khác	43.411.500	2.388.460.065
Cộng	6.441.411.500	45.028.250.065

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	-	85.559.042
<i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	-	85.559.042
Cộng	-	85.559.042

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.039.765.500	1.263.152.938
Công cụ, dụng cụ	455.231.483	612.078.583
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.128.308.057	4.328.581.238
Thành phẩm	40.593.167.239	39.259.625.940
Hàng gửi đi bán	-	4.315.175.345
Cộng	52.216.472.279	49.778.614.044

148-C
 TỶ
 HỮU HẠ
 N VÀ
 IN
 CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí sửa chữa tài sản. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	131.249.994
Tăng trong năm	-
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(131.249.994)
Kết chuyển giảm khác	-
Số cuối năm	-

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	529.164.171
Thuế tạm nộp hàng nhập khẩu tái xuất	4.744.905	-
Thuế xuất nhập khẩu	4.998.469	-
Thuế tài nguyên	285.660	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	68.950.000	-
Cộng	78.979.034	529.164.171

9. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản tạm ứng nhân viên.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.309.599.047	28.412.210.847	1.293.106.369	526.099.695	37.541.015.958
Tăng trong năm	6.909.512.530	22.219.040.000	-	21.627.273	29.150.179.803
Mua sắm mới	465.836.845	21.082.727.250	-	21.627.273	21.570.191.368
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.443.675.685	1.136.312.750	-	-	7.579.988.435
Giảm trong năm	-	(346.430.310)	(719.794.879)	-	(1.066.225.189)
Số cuối năm	14.219.111.577	50.284.820.537	573.311.490	547.726.968	65.624.970.572
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.143.195.175	7.655.840.990	550.311.490	260.088.353	14.609.436.008
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.774.655.390	12.029.857.174	1.020.752.427	317.802.987	20.143.067.978
Khấu hao trong năm	511.275.409	3.591.382.735	74.204.084	51.214.501	4.228.076.729
Giảm trong năm	-	-	(537.799.796)	-	(537.799.796)
Số cuối năm	7.285.930.799	15.621.239.909	557.156.715	369.017.488	23.833.344.911
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	534.943.657	16.382.353.673	272.353.942	208.296.708	17.397.947.980
Số cuối năm	6.933.180.778	34.663.580.628	16.154.775	178.709.480	41.791.625.661

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 25.069.616.359 VND và 24.701.028.015 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	19.758.224.300	366.630.000	19.391.594.300
Tăng trong năm	-	366.630.000	
Giảm trong năm	-	-	
Số cuối năm	19.758.224.300	733.260.000	19.024.964.300

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	14.905.000.000	107.651.409	(4.057.651.409)	(5.000.000)	10.950.000.000
XDCB dở dang	2.143.084.576	2.746.463.257	(3.522.337.026)	-	1.367.210.807
Cộng	17.048.084.576	2.854.114.666	(7.579.988.435)	(5.000.000)	12.317.210.807

13. Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn.

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn.

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	144.607.335
Phát sinh trong năm	1.327.829.468
Hoàn nhập trong năm	-
Số cuối năm	1.472.436.803

16. Phải trả người bán

Khoản phải trả các nhà cung cấp trong nước.

17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	255.654.264	-
Khách hàng nước ngoài	1.777.719.867	475.763.448
Cộng	2.033.374.131	475.763.448

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	-	288.922.069	(293.666.974)	(4.744.905)
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	(4.998.469)	(4.998.469)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(529.164.171)	11.771.365.815	(1.087.258.820)	10.154.942.824
Thuế thu nhập cá nhân	-	205.413.395	(123.848.577)	81.564.818
Thuế tài nguyên (*)	-	1.435.320	(1.720.980)	(285.660)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	-	90.600.000	(159.550.000)	(68.950.000)
Các khoản thuế khác	26.750.333	10.837.513	(37.587.846)	-
Cộng	(502.413.838)	12.368.574.112	(1.708.631.666)	10.157.528.608

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu:	0%
- Các mặt hàng thủy sản, phụ phẩm cá:	5%
- Dịch vụ cho thuê kho, bán phế liệu:	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.15.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.781.194.840	3.230.100.907
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.358.188.190	1.942.981.938
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.670.132.852)	(2.341.552.422)
Tổng thu nhập chịu thuế	68.469.250.178	2.831.530.423
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động được ưu đãi	30.548.267.026	(1.004.952.120)
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động không ưu đãi	37.920.983.152	3.836.482.543
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất của hoạt động được ưu đãi	15%	15%
- Thuế suất của hoạt động không ưu đãi	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	14.062.485.842	792.828.518
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (50%)	(2.291.120.027)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.771.365.815	792.828.518

Tiền thuê đất

Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với Công ty phát triển Khu công nghiệp Cần Thơ theo hợp đồng thuê đất số 17/HĐ/TLĐ.KCNCT/2003, ngày 01/12/2003:

- Diện tích đất thuê làm văn phòng: 27.562 m²
- Thời hạn thuê: 45 năm kể từ ngày 01/01/2001
- Tiền thuê được trả hàng năm theo mức: 1.862 VND/m²/năm

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 còn phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền cơm	-	279.992.696
Chi phí xuất hàng	2.088.562.404	37.124.388
Tiền công thuê ngoài	253.359.085	64.091.721
Chi phí lãi vay	19.018.865	-
Chi phí khác	34.083.791	48.094.032
Cộng	<u>2.395.024.145</u>	<u>429.302.837</u>

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	295.287.667	-
Kinh phí công đoàn	434.676.290	283.882.998
Phải trả khác	99.572.874	945.136.689
Cộng	<u>829.536.831</u>	<u>1.229.019.687</u>

22. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

23. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với lãi suất 10,5%/năm và được hưởng lãi suất hỗ trợ 4%/năm trong thời gian 24 tháng để đầu tư kho lạnh và dây chuyền cấp đông. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản với tổng trị giá là 28.000.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh trong năm	7.703.031.218
Số tiền vay đã trả trong năm	-
Số cuối năm	<u>7.703.031.218</u>

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	175.616.432
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(175.616.432)
Số cuối năm	<u>-</u>

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	217.486.458
Số trích lập trong năm	290.437.386
Số chi trong năm	(165.945.000)
Số cuối năm	<u>341.978.844</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục đính kèm trang 28.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	9.009.636.177
Chi cổ tức năm nay	8.810.363.823

Trong năm, công ty đã trả cổ tức bằng cổ phiếu để tăng nguồn vốn kinh doanh với số tiền là 8.099.330.000 VND.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.339.864	8.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng (*)	11.339.864	8.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.339.864	8.100.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.339.864	8.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.339.864	8.100.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

(*) Trong đó, số lượng cổ phiếu phát hành từ nguồn thặng dư vốn cổ phần của các năm trước là 2.429.931 và từ lợi nhuận phát sinh trong năm nay là 809.933.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	61.674.558	3.979.575.557	(99.108.000)	3.942.142.115
Quỹ phúc lợi	3.120.859.681	3.979.575.557	(1.167.268.252)	5.933.166.986
Cộng	3.182.534.239	7.959.151.114	(1.266.376.252)	9.875.309.101

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	475.598.089.252	401.073.619.302
- Doanh thu bán thành phẩm	475.420.228.887	400.870.080.392
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	177.860.365	203.538.910
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(12.222.115.600)	(2.556.512.600)
- Giảm giá hàng bán	(2.756.684.200)	(907.672.270)
- Hàng bán bị trả lại	(9.465.431.400)	(1.648.840.330)
Doanh thu thuần	463.375.973.652	398.517.106.702
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	463.198.113.287	398.313.567.792
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	177.860.365	203.538.910

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	262.177.165.903	279.213.264.586
Chi nhân công trực tiếp	19.768.458.617	15.644.208.629
Chi phí sản xuất chung	88.630.597.837	41.824.772.729
Tổng chi phí sản xuất	370.576.222.357	336.682.245.944
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(4.799.726.819)	(4.328.581.238)
Tổng giá thành sản xuất	365.776.495.538	332.353.664.706
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(1.333.541.299)	(445.658.850)
Chênh lệch tồn kho hàng gửi đi bán	4.315.175.345	(4.315.175.345)
Giá vốn thành phẩm mua ngoài	-	2.833.947.857
Cộng	368.758.129.584	330.426.778.368

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.311.734.269	1.065.679.266
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	572.804.159	6.930.072.788
Lãi cho vay	1.545.564.208	3.748.197.334
Lãi bán chứng khoán	3.048.123.106	2.954.214.700
Lãi bán ngoại tệ	3.814.548.276	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.342.903.903	7.895.922.079
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.341.552.422
Cổ tức, lợi nhuận được chia	827.594.100	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	42.418.109.925	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	97.000	-
Cộng	65.881.478.946	24.935.638.589

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	184.132.026	141.567.467
Chi phí lãi chiết khấu bộ chứng từ	-	23.021.275
Thủ tục phí	109.266.779	-
Lỗ bán chứng khoán	32.862.387.745	489.859.918
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	46.789.425.825
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	918.616.932	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.290.874.993	952.363.484
Chi phí tài chính khác	272.404	-
Cộng	39.365.550.879	48.396.237.969

5. Chi phí bán hàng

Chi phí dịch vụ mua ngoài.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.680.008.440	3.561.655.234
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.742.623	111.469.116
Thuế, phí lệ phí	102.484.379	54.860.444
Chi phí dự phòng	290.437.386	265.743.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	620.135.829
Chi phí khác	4.629.187.327	3.485.101.238
Cộng	9.773.860.155	8.098.965.825

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	209.090.909	-
Thu hỗ trợ hàng xuất khẩu	362.425.717	635.913.917
Hoàn nhập dự phòng	77.333.006	-
Thu tiền bồi thường do qui hoạch	-	1.079.775.800
Các khoản thu nhập khác	148.105.348	99.171.819
Cộng	796.954.980	1.814.861.536

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	528.425.393	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	90.600.000	14.884.144
Các khoản chi phí khác	36.288.555	-
Cộng	655.313.948	14.884.144

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.327.829.468)	(144.607.335)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(175.616.432)	175.616.432
Cộng	(1.503.445.900)	31.009.097

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.513.274.925	2.406.263.292
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	52.513.274.925	2.406.263.292
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.554.340	10.529.931
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.976	229

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.100.000	8.100.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	2.454.340	2.429.931
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.554.340	10.529.931

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	327.493.661.974	279.213.264.586
Chi phí nhân công	26.806.890.828	20.811.704.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.565.345.480	3.021.213.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.010.795.558	59.667.842.841
Chi phí khác	21.193.746.844	17.167.825.852
Cộng	429.070.440.684	379.881.851.383

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	750.653.612	554.266.973
Phụ cấp	161.130.000	118.237.000
Cộng	<u>911.783.612</u>	<u>672.503.973</u>

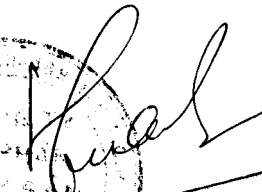
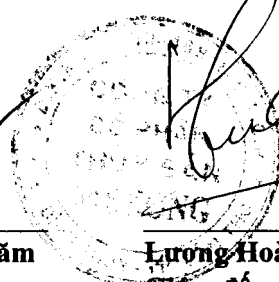
2. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

TP. Cần Thơ, ngày 20 tháng 01 năm 2010



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
BAO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	81.000.000.000	177.260.000.000	1.287.760.139	3.688.239.021	2.008.638.425	22.900.238.250	288.144.875.835
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	2.406.263.292	2.406.263.292
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	2.149.608.281	1.354.980.815	(8.186.865.365)	(4.682.276.269)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(110.000.000)	(110.000.000)
Số dư cuối năm trước	81.000.000.000	177.260.000.000	1.287.760.139	5.837.847.302	3.363.619.240	9.009.636.177	277.758.862.858
Số dư đầu năm nay	81.000.000.000	177.260.000.000	1.287.760.139	5.837.847.302	3.363.619.240	9.009.636.177	277.758.862.858
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	52.513.274.925	52.513.274.925
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	2.653.050.371	(10.612.201.485)	(7.959.151.114)
Tăng vốn từ lợi nhuận	8.099.330.000	(24.299.310.000)	-	-	-	(8.099.330.000)	-
Tăng vốn từ thặng dư	24.299.310.000	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(17.820.670.000)	(17.820.670.000)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(159.600.000)	(159.600.000)
Số dư cuối năm nay	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	5.837.847.302	6.016.669.611	24.831.109.617	304.332.716.669

TP. Cần Thơ, ngày 20 tháng 01 năm 2010

(Signature)

Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu

Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng

